

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

**(Báo cáo này được phát hành thay thế cho Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty  
đã được soát xét số 274/2012/UHY-BCSXTLATTC)**

---

Hà Nội, tháng 09 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo Tỷ lệ an toàn Tài chính của Công ty đã được soát xét tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày 30 tháng 06 năm 2012 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Ngọc Huy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Việt Trung	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đức Hương	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hồng Quang	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Đức	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Hồng Trung Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán      Bổ nhiệm ngày 01/03/2012

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm báo cáo. Do việc lập báo cáo này liên quan đến nhiều thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính nên Trong việc lập báo cáo này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác của Báo cáo tài chính nói chung, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; và
- Lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo này tuân thủ Thông tư số 226/2010/TT-BTC cũng như việc lập Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hồng Quang**  
**Quyền Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2012



**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012**  
**của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30/06/2012. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập ngày 05 tháng 09 năm 2012, trình bày từ trang 06 đến trang 09 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tham khảo và vận dụng chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo được soát xét không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kết quả công tác soát xét số 274/2012/UHY – BCSXTLATTC ngày 27/07/2012 về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt do trên báo cáo kèm theo báo cáo soát xét số 274/2012/UHY-BCSXTLATTC, khoản đầu tư 32,5 tỷ đồng mà Ông Hoàng Xuân Quyến đã vượt thẩm quyền khi ký kết hợp đồng mà chưa có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị được tính rủi ro thanh toán theo đối tác với hệ số rủi ro là 8%. Trong báo cáo này, khoản đầu tư này được trừ ra khỏi Vốn khả dụng do có ý kiến ngoại trừ liên quan trên Báo cáo kết quả công tác soát xét số 283/2012/UHY-BCSX ngày 27/07/2012 về báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012 .

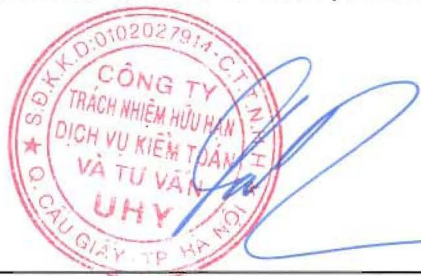
Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 37/2011/LVS-HĐKD ký ngày 10/01/2011 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 10/01/2012 liên quan đến việc góp phần góp vốn gốc đang theo dõi tại mục đầu tư ngắn hạn là 18.500.000.000 đồng với số lãi dự thu năm 2011 đang theo dõi trên mục phải thu khác làm tăng giá trị vốn góp kể từ thời điểm 10/01/2012 lên thành 22.620.703.125 đồng, việc tính toán phân chia lợi nhuận dựa theo kết quả đầu tư thực tế. Do chưa có kết quả đầu tư thực tế từ khoản góp vốn đem lại nên khoản lợi nhuận/dự phòng liên quan đến khoản góp vốn 22.620.703.125 đồng vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Á Châu chưa được đánh giá và ghi nhận đầy đủ vào báo cáo kết quả kinh doanh cho giai đoạn từ 01/01/2012 đến 30/06/2012. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng có liên quan đến việc tính vốn khả dụng tại thời điểm 30/06/2012.

**Vấn đề tùy thuộc:**

Trong năm 2011, Công ty có thực hiện một số hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn, hình thức là hợp đồng hợp tác kinh doanh; Công ty thực hiện góp vốn cùng với khách hàng theo tỷ lệ: khách hàng góp bằng giá trị cổ phiếu, phần lớn là cổ phiếu chưa niêm yết hiện có, còn Công ty góp vốn bằng tiền bằng giá trị của số cổ phiếu khách hàng đã góp vốn cùng Công ty; Tiền sẽ được chuyển về tài khoản của khách hàng và Công ty sẽ được khoản lợi ích từ việc góp vốn tính theo lãi suất thỏa thuận và số ngày thực tế góp vốn. Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn trong 7 tháng đầu năm 2011 là 54.315.607.638 đồng và năm 2010 là khoảng 59,6 tỷ đồng. Công ty đang coi các hoạt động này là không thuộc diện điều chỉnh phải nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT). Việc xác định các giao dịch này có phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty hay không, thuế GTGT của các giao dịch liên quan có phải nộp hay không tùy thuộc quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chỉ tiêu lợi nhuận khi tính vốn khả dụng sẽ ảnh hưởng bởi các quyết định này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã mô tả ở phần trên trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và các biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo này không đính kèm với Báo cáo tài chính và chỉ được Ban Tổng Giám đốc Công ty sử dụng cho mục đích báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



---

**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

---

**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2012*

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>112.913.901.425</b>	<b>2.480.776.811</b>	<b>-</b>
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	125.000.000.000		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	39.210.563		
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính	78.421.126		
7	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(12.203.730.264)		
12	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		2.480.776.811	
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>4.835.294.077</b>	<b>-</b>
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		177.826.860	
1	Phải thu của khách hàng			
2	Trả trước cho người bán		177.826.860	
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>			
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>		4.657.467.217	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.187.449.412	
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		3.470.017.805	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>40.716.351.113</b>	<b>-</b>
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>			
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>		14.093.557.572	
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>			
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>			
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>		2.958.793.541	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5 (*)		23.664.000.000	
<b>VỐN KHẢ DỤNG = (1A-1B+1C) - (2A+2B+2C) + (3A+3B+3C)</b>			<b>64.881.479.424</b>	

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP)**

- (\*) Đây khoản đầu tư liên quan đến việc Ông Hoàng Xuân Quyến đã vượt thẩm quyền khi ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán của Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng, tổng số tiền đầu tư là 32,5 tỷ đồng mà chưa có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Công ty đã điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ là 8.836.000.000 đồng, giá trị khoản giảm trừ khỏi vốn khả dụng tương ứng là 23.664.000.000 đồng.

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	47.202.237.337	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%		-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			490.000.000	49.000.000
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	490.000.000	49.000.000
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>49.000.000</b>



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP)**

Đơn vị tính: VND

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>2.437.153.259</b>
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo					1.929.656.250	1.929.656.250
6	Giao dịch ký quỹ (cho khách vay mua chứng khoán)					507.497.009	507.497.009
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							<b>10.784.180.638</b>
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
4	Từ 60 ngày trở lên	100%		10.784.180.638		10.784.180.638	
<b>II. Rủi ro tăng thêm nếu có</b>							
Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác		Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>							<b>13.221.333.897</b>
<b>C. RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG 12 THÁNG)</b>							
I	Tổng chi phí hoạt động						63.317.563.948
	Các khoản giảm trừ tổng chi phí						11.684.368.857
	1. Chi phí khấu hao						2.637.500.908
II	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn						2.480.776.811
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn						
	4. Dự phòng phải thu khó đòi						6.566.091.138
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III= I-II)						51.633.195.091
IV	25 % Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%*III)						12.908.298.773
V	20% vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán						25.000.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max(III,IV))</b>							<b>25.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>							<b>38.270.333.897</b>

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012*

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

*Đơn vị tính: VND*

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú - nếu có
1	Tổng giá trị rủi ro trên thị trường	49.000.000	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	13.221.333.897	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	25.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	38.270.333.897	
5	Vốn khả dụng	64.881.479.424	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	170%	



Nguyễn Hồng Quang  
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2012

Nguyễn Thị Hồng Trung  
Phụ trách kế toán

